

Phục hồi trên nền thấp cùng kỳ năm trước

- Xuất nhập khẩu tiếp tục ghi nhận tăng trưởng dương, song chưa thể lạc quan về triển vọng sản xuất khi chỉ số PMI giảm mạnh.
- Tỷ giá USD/VND biến động trái chiều tại các thị trường trong nửa cuối tháng 11 trong khi tỷ giá thế giới có xu hướng giảm.
- Chúng tôi duy trì dự báo GDP sẽ tăng 6.1%-6.3% trong Q4/23 và đạt 4.7%-4.8% cả năm 2023.

Hoạt động NXK có sự cải thiện, triển vọng sản xuất vẫn chưa thể lạc quan

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 11 tăng 3% so với tháng trước và tăng 5.8% so với cùng kỳ năm trước. Các doanh nghiệp sản xuất nỗ lực chuẩn bị hàng hóa phục vụ tiêu dùng dịp cuối năm. Tuy nhiên chỉ số PMI giảm mạnh xuống 47.3 từ mức 49.6 của tháng trước với số lượng đơn đặt hàng mới giảm sau ba tháng tăng liên tiếp do sụt giảm từ nhu cầu của khách hàng quốc tế. Xuất khẩu tháng 11 tăng 6.7% so với tháng trước, đánh dấu tháng thứ 3 liên tiếp tăng trưởng dương tháng. Hoạt động nhập khẩu tăng 5.1% so với tháng trước, cho thấy dấu hiệu tăng trở lại của sản xuất.

Lạm phát hạ nhiệt trong tháng 11 nhờ tác động giảm của giá xăng dầu

CPI tháng 11/2023 tăng 3.5% so với tháng trước và bình quân 11 tháng tăng 3.2% so với tháng trước duy trì dưới mức mục tiêu 4.5% của chính phủ. Tốc độ tăng CPI đã giảm từ tháng 10 nhưng chúng tôi cho rằng lạm phát vẫn chịu áp lực vào tháng cuối của năm bởi những yếu tố như giá máy bay và chi phí đi lại tăng cao do yếu tố mùa vụ và giá gạo tăng theo giá xuất khẩu và dự kiến đẩy CPI trung bình cả năm 2023 sẽ dao động ở mức 3.4%.

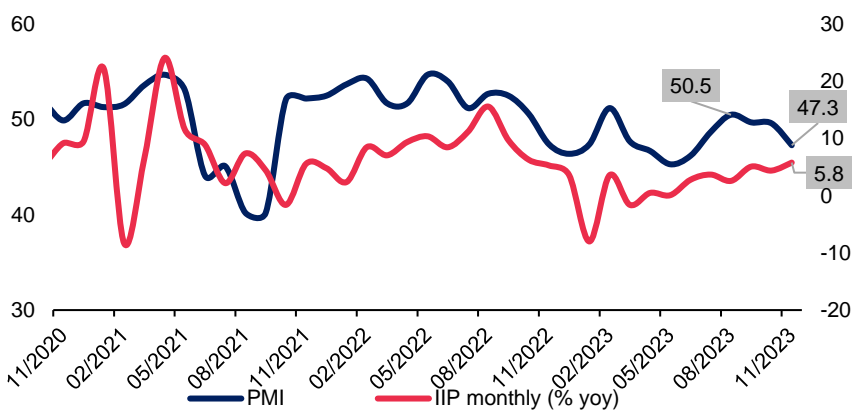
Tốc độ tăng trưởng của tiêu dùng phục hồi

Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 tăng 10.1% so với cùng kỳ và 1.4% so với tháng trước. Tốc độ tăng trưởng của bán lẻ đã tăng trở lại sau khi liên tiếp ghi nhận xu hướng giảm kể từ tháng 3 do hoạt động thương mại dịch vụ tháng 11 diễn ra khá sôi động để chuẩn bị phục vụ cho các ngày lễ lớn cuối năm.

Chúng tôi duy trì dự báo GDP năm 2023 đạt mức 4.7% - 4.8%

Trong đó, chúng tôi ước tính GDP quý 4 sẽ tăng 6.1% - 6.3% trên cơ sở nền thấp cùng kỳ năm ngoái, cũng như hoạt động sản xuất sẽ cải thiện nhờ phần nào xuất khẩu cải thiện do nhu cầu tích trữ hàng tồn kho của Mỹ và các nước Châu Âu tăng trở lại từ mức thấp và lượng đơn hàng sẽ quay trở lại do nhu cầu mua sắm vào dịp lễ cuối năm.

Hình 1: Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% so với cùng kỳ)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Giám đốc Khôi Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Hien.tranthikhanh@mbs.com.vn

Chuyên viên phân tích

Lê Minh Anh

Anh.leminh@mbs.com.vn

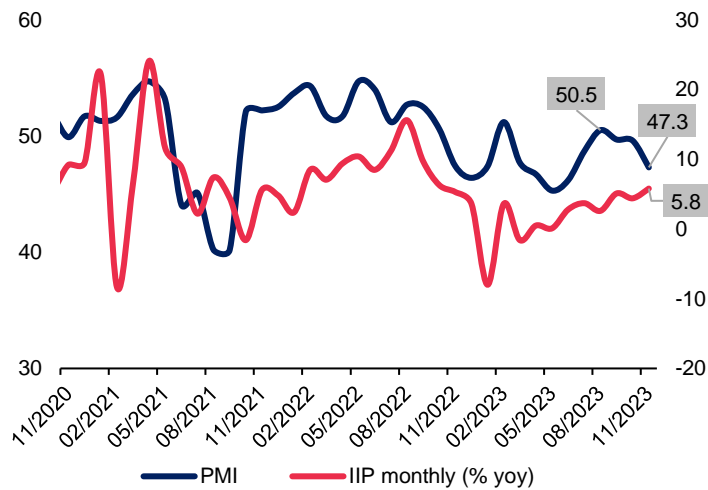
Phục hồi trên nền thấp cùng kỳ năm trước

Hoạt động sản xuất công nghiệp sôi động hơn song triển vọng vẫn chưa thể lạc quan

Ước tính chỉ số sản xuất công nghiệp trong tháng tăng 3% so với tháng trước (+5.8% svck), duy trì đà tăng trưởng trong vòng 7 tháng. Các ngành ghi nhận hoạt động sản xuất tăng trưởng mạnh trong tháng bao gồm: khai thác quặng kim loại (+47.4% svck), sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+27.7% svck), sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (+28.5% svck). Tính chung 11 tháng năm 2023, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp ước tính tăng 1% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành khai khoáng tiếp tục ghi nhận mức tăng trưởng âm với mức giảm 2.8%.

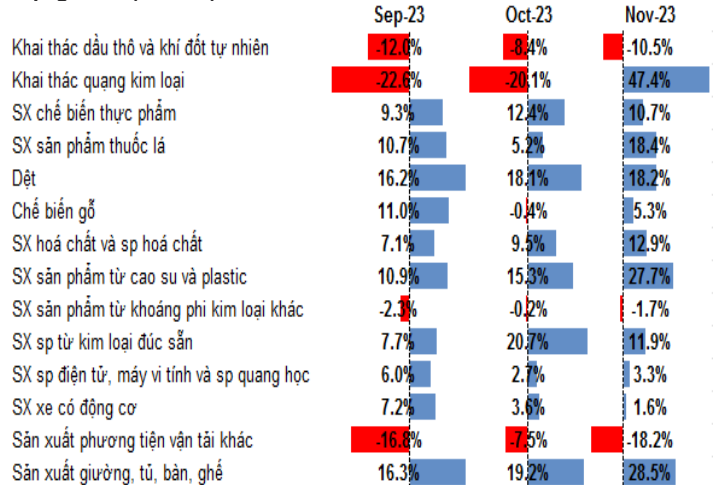
Chỉ số PMI tháng 11 đã giảm ở mức thấp trong vòng 5 tháng trở lại đây, ở mức 47.3, từ mức 49.6 điểm của tháng 10. Cụ thể, số lượng đơn đặt hàng mới của các nhà sản xuất trong tháng 11 đã giảm trở lại, kết thúc chuỗi tăng ba tháng liên tiếp, đây là tốc độ giảm mạnh nhất kể từ tháng 5. Nguyên nhân xảy ra do nhu cầu khách hàng giảm, đặc biệt đến từ nhóm hàng quốc tế. Số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới ghi nhận giảm và một trong số các lý do đến từ việc khách hàng không muốn trả giá cao hơn cho sản phẩm. Trong bối cảnh số lượng đơn đặt hàng mới giảm và các điều kiện kinh tế khó khăn đã đẩy các công ty phải tiếp tục giảm sản lượng trong suốt 3 tháng.

Hình 2: Chỉ số PMI sản xuất và IIP của Việt Nam (% so với cùng kỳ)



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 3: Diễn biến tăng/giảm chỉ số IIP một số ngành công nghiệp trong điểm (% svck)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Xuất khẩu được thúc đẩy bởi các mặt hàng công nghiệp, duy trì mức tăng trưởng dương tháng thứ ba liên tiếp

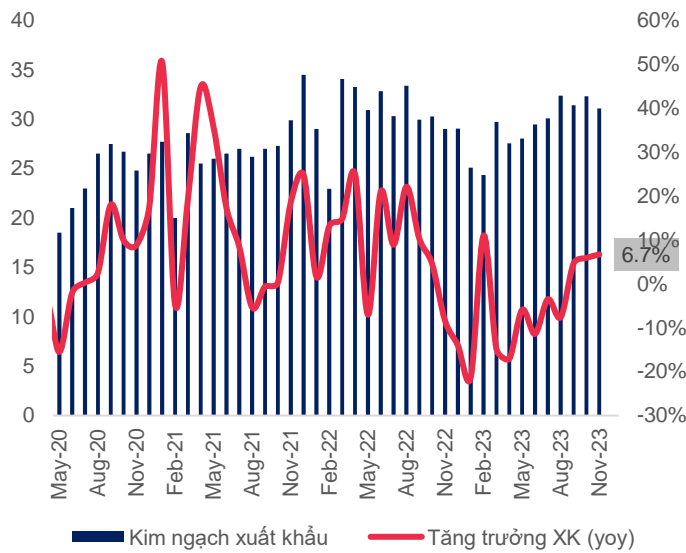
Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 11/2023 ước đạt 31 tỷ USD, giảm 3.6% so với tháng trước (+6.7% svck). Xuất khẩu ghi nhận tăng trưởng dương ba tháng liên tiếp so với cùng kỳ do nhiều mặt hàng công nghiệp tăng trưởng ấn tượng như xơ, sợi dệt các loại (+92% svck) và máy ảnh, máy quay phim và linh kiện (+71% svck). Lũy kế 11 tháng xuất khẩu ước đạt 322.5 tỷ USD (-6% svck). Các mặt hàng xuất khẩu có tăng trưởng âm lớn nhất bao gồm hóa chất (-24% svck), thủy sản (-19% svck), gỗ (-18% svck). Tuy nhiên, xuất khẩu vẫn ghi nhận những điểm sáng

trong tăng trưởng từ những đóng góp ấn tượng bởi các mặt hàng nông nghiệp bao gồm xuất khẩu gạo (+36% svck), hạt điều (+17% svck), rau quả (+74% svck).

Về thị trường xuất khẩu 11 tháng năm 2023, Hoa Kỳ là thị trường lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 88 tỷ USD (-13.1% svck), xuất khẩu sang EU ước đạt 39.9 tỷ USD (-8.1% svck); xuất khẩu sang Nhật Bản 21.2 tỷ USD (-4.3% svck)

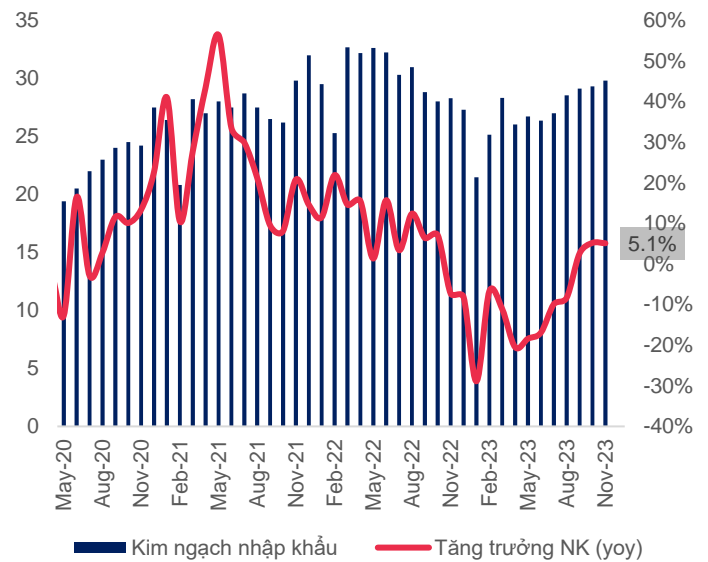
Từ chiều ngược lại, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 11/2023 ước đạt 29.8 tỷ USD, tăng 5.1% svck, tăng 1% so với tháng trước. Tính chung 11 tháng năm 2023, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 296.6 tỷ USD, (-10.7% svck). Trung Quốc vẫn là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 99.6 tỷ USD (-9% svck). Trong 11 tháng năm 2023 có 3 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 10 tỷ USD (chiếm 43.4% tổng kim ngạch) là điện tử, máy tính linh kiện, máy móc thiết bị, dụng cụ phụ tùng khác và vải với mức tăng trưởng lần lượt là +4.1%, -9.8% và -14% svck.

Hình 4: Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



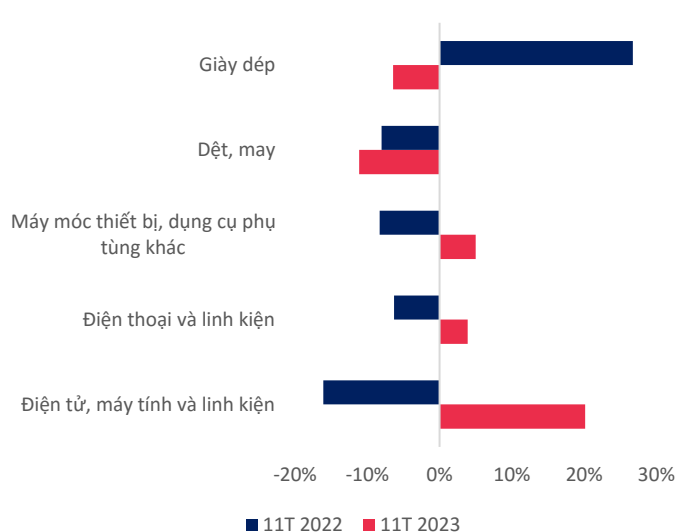
Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 5: Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa năm qua các tháng (Tỷ USD)



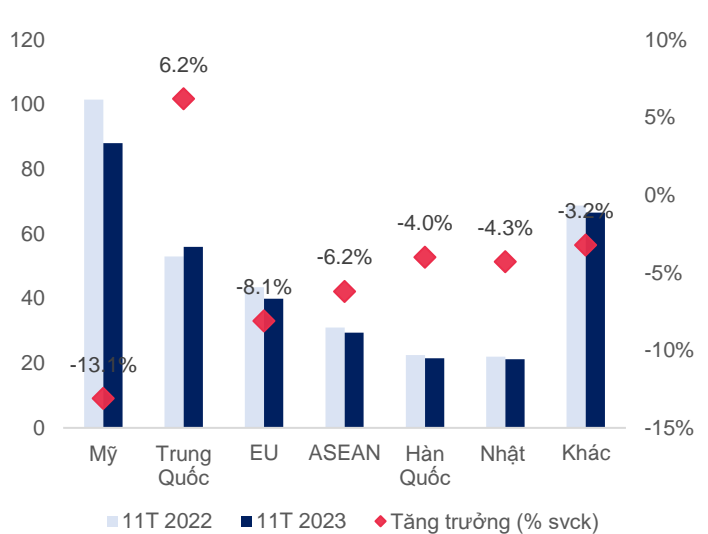
Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 6: Tăng trưởng của các mặt hàng có giá trị xuất khẩu lớn nhất lũy kế từ đầu năm (%yoy)



Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 7: Thị trường xuất khẩu của Việt Nam 11T.2023 (Tỷ USD)



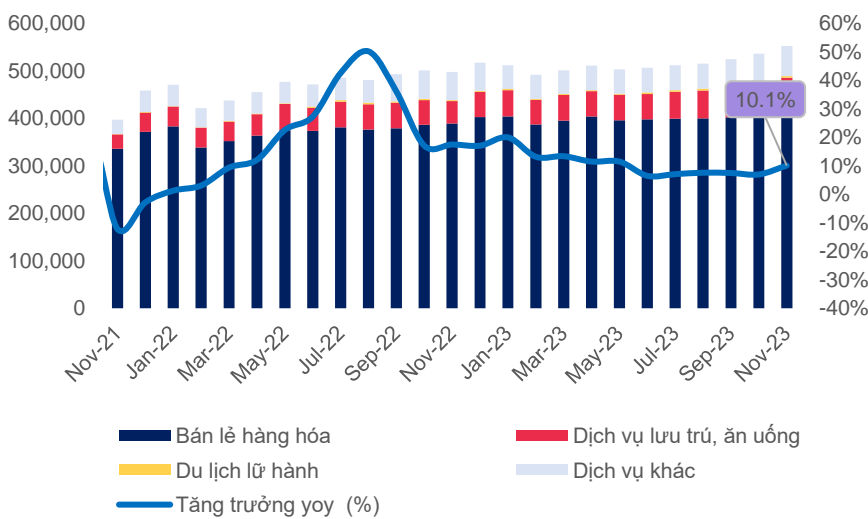
Nguồn: TCTK, MBS Research

Tốc độ tăng trưởng tiêu dùng có sự cải thiện đáng kể

Tốc độ tăng trưởng của tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 11 tăng 10.1% so với cùng kỳ và 1.4% so với tháng trước. Tốc độ tăng trưởng của bán lẻ đã tăng trở lại kể từ tháng 5 sau khi ghi nhận xu hướng giảm, trong bối cảnh người tiêu dùng nhạy cảm về giá thì hoạt động bán lẻ trong 2 tháng cuối năm sẽ diễn ra sôi động hơn so với mức nền thấp của năm trước.

Tính chung 11 tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính tăng 7% so với cùng kỳ (loại trừ yếu tố giá tăng). Khách quốc tế đến nước ta 11 tháng ước đạt gần 11.2 triệu lượt người, gấp 3.8 lần cùng kỳ năm trước nhưng vẫn chỉ bằng 69% so với cùng kỳ năm 2019 – năm chưa xảy ra dịch Covid-19.

Hình 8: Doanh thu bán lẻ hàng hóa, dịch vụ tiêu dùng so với cùng kỳ năm trước (Nghìn tỷ USD)



Nguồn: TCTK, MBS Research

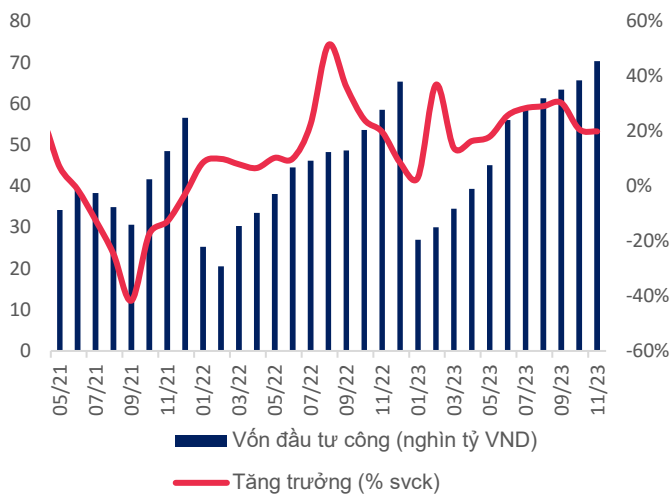
Tăng trưởng FDI trong tháng sụt giảm so với cùng kỳ

Tháng 11, vốn đăng ký cấp mới giảm 30% so với cùng kỳ năm trước về số vốn đăng ký, trong khi vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giải ngân giảm 1% so với cùng kỳ năm trước. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 11 tháng năm 2023 ước đạt 20.2 tỷ USD, tăng 2.9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo đạt 16.6 tỷ USD (chiếm 82.2% tổng vốn đầu tư), sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt 1.2 tỷ USD (chiếm 6%), hoạt động kinh doanh bất động sản đạt 982.6 triệu USD, (chiếm 4.9%). Đặc biệt, dự án FDI nổi bật trong tháng 11 thuộc về dự án Nhà máy công nghệ Everwin Precision (Nghệ An) do Công ty TNHH công nghệ Everwin Precision (Việt Nam) đầu tư tại Khu Công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên (Nghệ An) trên diện tích gần 16.5ha, có tổng vốn đầu tư là 115 triệu USD (tương đương 2,806 tỷ đồng), từ 100% vốn góp của nhà đầu tư.

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 11 ước đạt 70.3 nghìn tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 11 tháng đầu năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt hơn

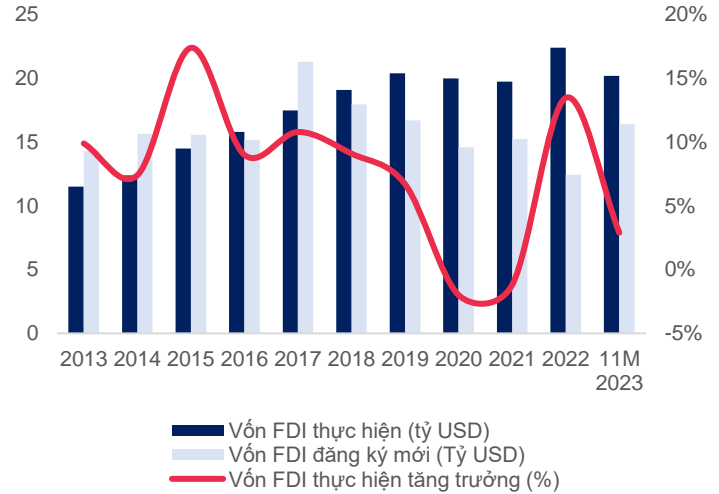
549.1 nghìn tỷ đồng, bằng 75% kế hoạch năm và tăng 22.1% so với cùng kỳ năm trước.

Hình 9: Tăng trưởng đầu tư công



Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 10: Tăng trưởng vốn đầu tư FDI tại Việt Nam



Nguồn: TCTK, MBS Research

Lạm phát hạ nhiệt trong tháng và tiếp tục nằm trong mục tiêu đề ra

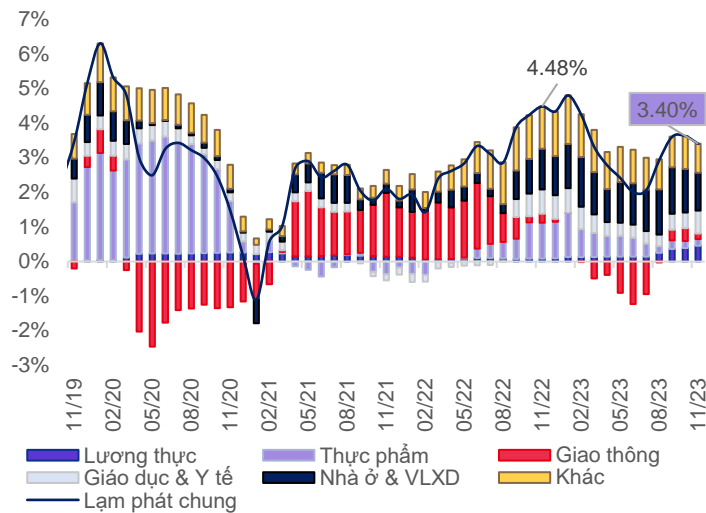
Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 11/2023 tăng 0.2% so với tháng trước và 3.4% so với cùng kỳ năm trước (tháng 11/2022 tăng 4.3% svck) cho thấy lạm phát trong nước vẫn đang trong tầm kiểm soát dưới kế hoạch mục tiêu đề ra là 4.5%. Bình quân 11 tháng năm 2023, CPI tăng 3.2% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4.2%.

Giá vật liệu xây dựng và giá nhà ở thuê vẫn là nguyên nhân chính đẩy chỉ số CPI tháng 11 tăng so với cùng kỳ (+5.9% svck). Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2.9% svck do tác động của nhóm lương thực tăng 13.2% chủ yếu là do giá gạo trong nước tiếp tục tăng theo giá gạo xuất khẩu. Ngoài ra, việc tăng học phí tại một số địa phương đẩy chỉ số nhóm giáo dục tăng cao 7.1% svck và nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 3.3% do giá dịch vụ y tế được điều chỉnh đã góp phần đẩy chỉ số giá tiêu dùng trong tháng so với cùng kỳ.

Chỉ số giá nhóm vé máy bay tăng 87.2% svck cùng với nhu cầu đi lại tăng trong các dịp lễ và nghỉ hè đã đẩy chi phí của các hãng bay lên cao, kéo theo CPI bình quân của năm quay trở lại xu hướng tăng. Giá xi măng, cát tăng theo giá nguyên liệu vật liệu đầu vào cùng với giá thuê nhà tăng cao đã đẩy chỉ số giá nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng bình quân tăng 6.7% svck tiếp tục tác động lớn đến CPI chung tăng. Ngược lại, bình quân giá xăng dầu trong nước 11 tháng giảm 12.1% svck, giá gas giảm 7.5% là yếu tố kiềm chế tốc độ tăng của CPI bình quân.

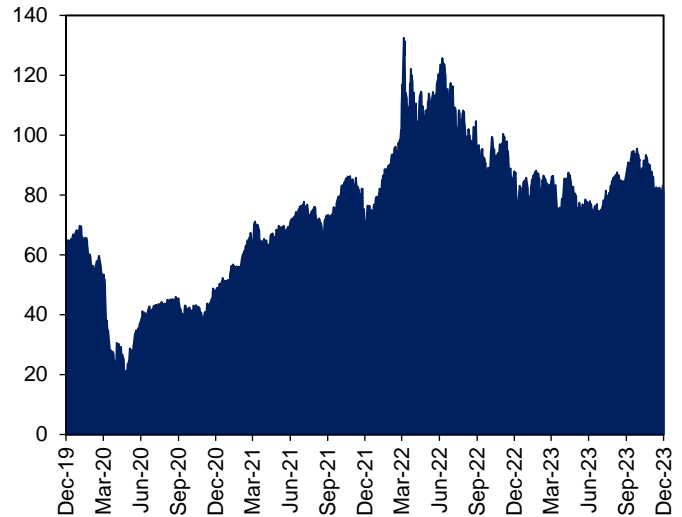
Chúng tôi cho rằng chỉ số CPI sẽ tăng nhẹ trong tháng cuối cùng của năm và trung bình cả năm 2023 sẽ dao động ở mức 3.4% trên những cơ sở sau. Thứ nhất, giá dầu trong Q4/2023 đã giảm 18.1% so với mức đỉnh của tháng 9/2023 do lo ngại nhu cầu thấp nhưng dự kiến vẫn sẽ duy trì khá ổn định quanh mức 80 USD/thùng do các nỗ lực cắt giảm nguồn cung từ OPEC+.. Thứ hai, chỉ số giá lương thực có xu hướng tăng do giá nhóm gạo sẽ tăng trong bối cảnh nhu cầu tại các thị trường châu Á và châu Phi tăng lên. Cuối cùng, yếu tố tỷ giá USD/VND giao động trong khoảng 24.300 - 24.500 VND/USD trong tháng cuối năm sẽ tạo áp lực lên hầu hết các mặt hàng nhập khẩu.

Hình 11: Đóng góp của các nhóm hàng vào tăng trưởng CPI (%)



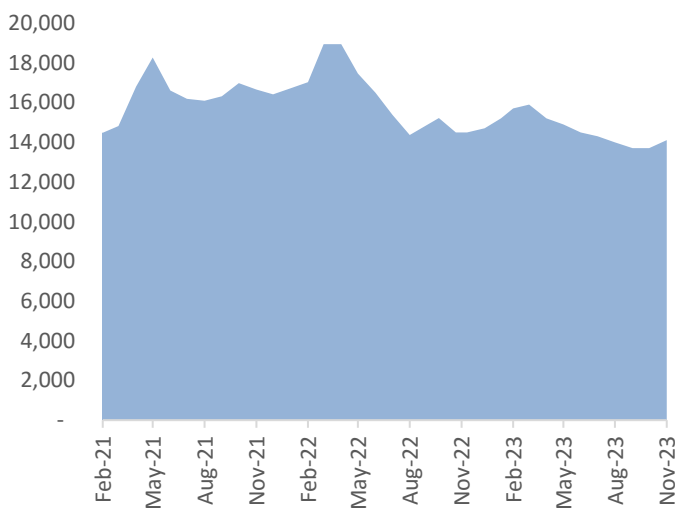
Nguồn: TCTK, MBS Research

Hình 12: Giá dầu Brent (USD/thùng)



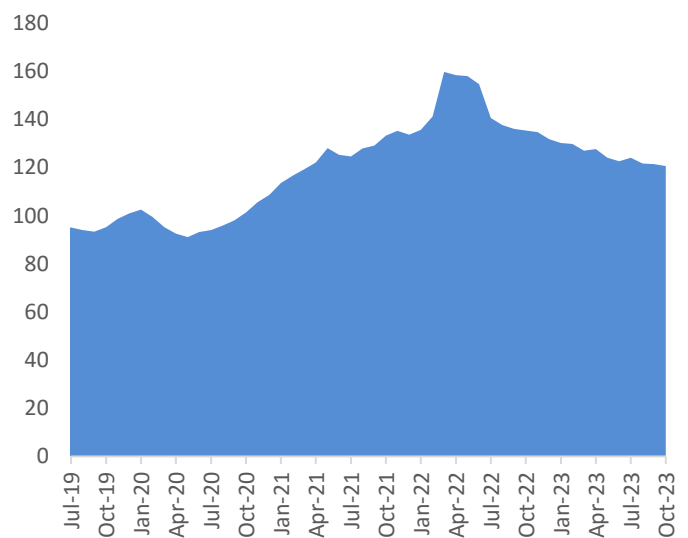
Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 13: Giá thép (Triệu VND/tấn)



Nguồn: MBS Research

Hình 14: Chỉ số giá thực phẩm FAO



Nguồn: FAO, MBS Research

Tỷ giá trong nước biến động trái chiều tại các thị trường

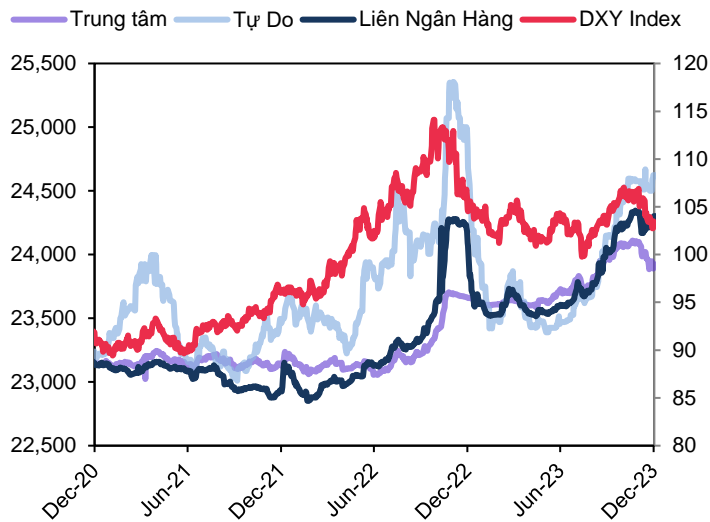
Trong các phiên cuối tháng 11, tỷ giá trong nước đã thể hiện những diễn biến trái chiều tại các thị trường. Khi tỷ giá liên ngân hàng và tỷ giá tại thị trường tự do đang thể hiện xu hướng tăng trong tuần và hiện tại lần lượt đang giao dịch xung quanh 24,303 VND và 24,625 VND. Trái ngược, tỷ giá trung tâm tiếp tục điều chỉnh giảm và quay trở lại mốc 23,000 VND sau 2 tháng hiện đang giao dịch tại 23,891 VND, giảm 0.8% so với đỉnh.

Đồng USD đã phục hồi trong các phiên gần nhất từ mức thấp 102 trong tháng và hiện đang ở mức 103.4, giảm 3.5% so với đỉnh sau khi dữ liệu cho thấy nền kinh tế Mỹ tăng trưởng nhanh hơn trong quý 3 so với báo cáo ban đầu đã giúp các nhà giao dịch củng cố vị thế, tuy nhiên đồng USD vẫn trên đà ghi nhận mức giảm hàng tháng lớn nhất kể từ tháng 11/2022 do kỳ vọng ngày càng tăng Fed sẽ cắt giảm lãi suất trong nửa đầu năm 2024.

Chúng tôi cho rằng một vài yếu tố vĩ mô tích cực như: thặng dư thương mại 11 tháng năm 2023 đạt mức ấn tượng 25.8 tỷ USD, lượng kiều hối dự kiến đạt 14 tỷ USD trong năm 2023, FDI thực hiện tại Việt Nam mức tăng của 11 tháng là

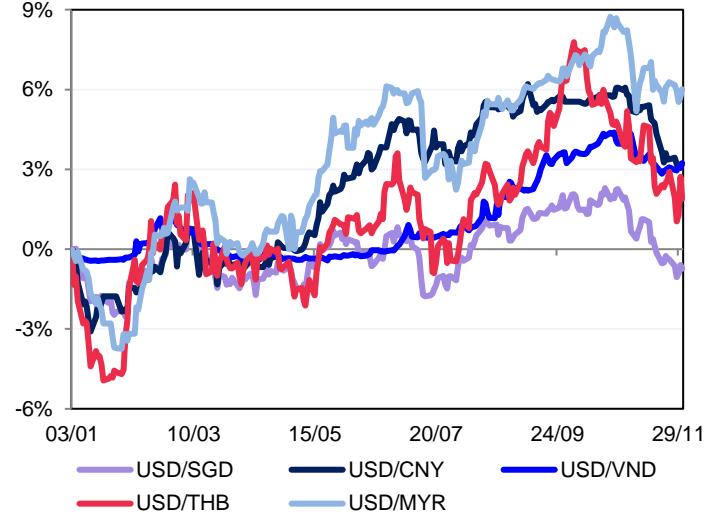
2.9% so với cùng kỳ năm ngoái, đạt 20.2 tỷ USD... sẽ góp phần giảm áp lực lên tỷ giá vào cuối năm. Chúng tôi giữ nguyên dự báo tỷ giá VND/USD có thể giao động trong khoảng 24.300 - 24.500 VND/USD trong những tháng cuối năm, với tình trạng chênh lệch lãi suất USD và VND vẫn đang được duy trì đồng thời nhu cầu ngoại tệ tăng cao thường xảy ra trong giai đoạn cuối quý.

Hình 15: Tỷ giá VND/USD



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Hình 16: Diễn biến tỷ giá một số đồng tiền so với USD



Nguồn: Bloomberg, MBS Research

Thông kê các chỉ tiêu kinh tế & dự báo 2023 - 2024

Các chỉ tiêu kinh tế	2018	2019	2020	2021	2022	2023F	2024F
1. GDP, dân số và thu nhập							
GDP Danh Nghĩa (tỷ USD)	281.3	310.1	334.3	346.6	366.1	408.8	476.9
Tăng trưởng GDP (%)	7.08	7.02	2.91	2.58	8.02	5.3	4.7
Xuất khẩu hàng hóa (% yoy)	13.8	8.1	6.5	19	10.6	-8	7
Nhập khẩu hàng hóa (% yoy)	11.5	7	3.6	26.5	8.4	-10	9
Dân số (triệu người)	95.5	96.4	97.7	98.5	99.3	100	101.5
GDP/đầu người (USD)	2,992	3,267	3,491	3,586	3,756	4,163	4,707
Tỷ lệ thất nghiệp (%)	2.33	2.33	2.2	2.2	2.2	2.9	2.3
2. Chỉ số tài khóa (%GDP)							
Nợ chính phủ	49.9	49.2	51.5	39.1	34.7	36.1	39.8
Nợ công	55	55.9	43.1	38	39.5	38	32.3
Nợ nước ngoài	46	47.1	47.9	38.4	36.8	36	36.5
3. Các chỉ số tài chính							
Tỷ giá USD/VND	23,180	23,228	23,115	23,145	23,612	24,100	23,600
Lạm phát (%)	3.5	2.8	3.2	1.8	3.15	3.43	3.5
Tăng trưởng tín dụng (%)	17.1	18.7	18.2	13.9	12.1	11	10
Trung bình lãi suất tiền gửi 12 tháng	7	7.2	6.8	5.8	8.5	5.6	6
Cán cân thương mại (tỷ USD)	7.2	9.9	19.1	4	11.2	22	12
Hàng hóa: Xuất khẩu (tỷ USD)	244	263	281	336	371	340	366
Hàng hóa: Nhập khẩu (tỷ USD)	237	253	262	332	360	322	354
Tổng dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	55	78	94	109	86	95	110.5

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Nghiên cứu - Công ty Cổ phần Chứng khoán MBS (MBS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố song MBS không chịu trách nhiệm hay bảo đảm nào về tính chính xác, tính đầy đủ, tính kịp thời của những thông tin này cho bất kỳ mục đích cụ thể nào. Những quan điểm trong báo cáo này không thể hiện quan điểm chung của MBS và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này được phát hành chung, bất kỳ khuyến nghị nào trong tài liệu này không liên quan đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính và nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nhận cụ thể nào. Báo cáo này và tất cả nội dung là sản phẩm sở hữu của MBS; người nhận không được phép sao chép, tái xuất bản dưới bất kỳ hình thức nào hoặc phân phối lại toàn bộ hoặc một phần, cho bất kỳ mục đích nào mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của MBS.

HỆ THỐNG KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ MBS

Khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

Khuyến nghị đầu tư của MBS được xây dựng dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
NẮM GIỮ	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến 15%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn 15%

Khuyến nghị đầu tư ngành

KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Mua tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
TRUNG LẬP	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Nắm giữ, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền
KÉM KHẢ QUAN	Các cổ phiếu trong ngành có khuyến nghị Bán, tính trên cơ sở vốn hóa thị trường gia quyền

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB (MBS)

Được thành lập từ tháng 5 năm 2000 bởi Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) với tên gọi tiền thân là Công ty CP chứng khoán Thăng Long, Công ty CP Chứng khoán MB (MBS) là một trong 6 công ty chứng khoán đầu tiên tại Việt Nam. Sau nhiều năm phát triển, MBS đã trở thành một trong những công ty chứng khoán hàng đầu Việt Nam, liên tục đứng trong Top 10 thị phần tại cả hai Sở Giao dịch (Hồ Chí Minh và Hà Nội).

Địa chỉ:

Tòa nhà MB, 21 Cát Linh, Đống Đa, Hà Nội

Tel: + 8424 7304 5688 - Fax: +8424 3726 2601

Website: www.mbs.com.vn

KHỐI NGHIÊN CỨU CÔNG TY CPCK MB

Giám đốc Khối Nghiên cứu

Trần Thị Khánh Hiền

Trưởng phòng

Nguyễn Tiến Dũng

Vĩ mô & Chiến lược thị trường

Lê Minh Anh

Lê Ngọc Hưng

Ngân hàng – Dịch vụ Tài chính

Đinh Công Lý

Đỗ Lan Phương

Bất động sản

Nguyễn Minh Đức

Lê Hải Thành

Công nghiệp – Năng Lượng

Nguyễn Hà Đức Tùng

Phạm Thị Thanh Huyền

Dịch vụ - Tiêu dùng

Nguyễn Quỳnh Ly